

SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH  
THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hung Yên, ngày 19 tháng 02 năm 2019

**GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 11/2019/ĐKSP**

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

**Tổ chức, cá nhân:** Công ty TNHH dược phẩm NAPHARCO

**Địa chỉ:** Km22, Quốc lộ 5, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Điện thoại: 02213766338

**cho sản phẩm:** Thực phẩm dinh dưỡng Y học NA DE EVA

do Công ty TNHH dược phẩm NAPHARCO, địa chỉ: Km22, Quốc lộ 5, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Điện thoại: 02213766338

**sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn:** Luật An toàn thực phẩm; nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm; nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa; quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm; QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”; QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”; thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

**CHI CỤC TRƯỞNG**



**Đỗ Mạnh Hùng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

### I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH dược phẩm NAPHARCO

Địa chỉ: Km 22, Quốc lộ 5 thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 023213766338

E-mail: napharcovn@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0801082558

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000030/2016/ATTP - CNĐK, cấp ngày 06/01/2017, nơi cấp: Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y Tế.

### II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: *Thực phẩm dinh dưỡng y học NA DE EVA*

#### 2. Thành phần:

Thành phần có trong 100 gam: Sữa bột gầy 70 gam, kem thực vật (Non-dairy cream) 5 gam, Protein váng sữa (Whey Protein) 3 g, Isomalt 2g, ALA 50 mg/100g, Maltodextrin 20gam, Glutathion 500 mg, Vitamin E 400 IU, tinh chất mầm đậu nành giàu Isoflavone 850 mg, Collagen 50 mg, FOS 3g, Lactase 50 IU, Protease 50 IU, L-cystein 500 mg, Vitamin A 2000 IU, Vitamin E 400 IU, Vitamin C 69,5mcg, Vitamin D3 350IU, Vitamin K1 45 mcg, Vitamin B1 1200mcg, Vitamin B2 1000mcg, Vitamin B3 500mcg, Vitamin B5 300mcg, Vitamin B6 1390mcg, Vitamin B7 (Biotin) 1,05mcg, Vitamin B9 (Acid Folic) 190mcg, Vitamin B12 1,05mcg), Canxi gluconat 1200mg, Selen hữu cơ 150mg, Sắt (Fumarat) 8mg, Kẽm 6,5mg, Natri 358mg, Kali 607mg, Clo 390mg, Magie 90 mg, Photpho 5,05 mg, Iod 35 mcg), chiết xuất cây Cỏ ngọt 5g, hương thực phẩm.

#### 3. Trạng thái của sản phẩm:

- Màu sắc: Màu trắng ngà
- Mùi vị: mùi thơm, không hôi mốc



- Dạng: bột

### 3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên chất lượng của sản phẩm

Thành phần	Đơn vị tính	Mức chất lượng
Năng lượng	Kcal	300-550
Protein	g	14-30
Lipid	g	0.8 -10
Carbohydrate	g	39-55
ALA (acid Lipoic)	mg	50 ± 20%
Glutathion	mg	500 ± 20%
Vitamin E	IU	400 ± 20%
Collagen	mg	50 ± 20%
Isoflavon	Định tính	Dương tính
L-cystein	mg	500 ± 20%

### 5. Chỉ tiêu an toàn

#### 5.1. Giới hạn về vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	TS bào tử nấm mốc, nấm men	CFU/g	KPH(<1,0x10 <sup>2</sup> )
2	E. Coli	CFU/g	3
3	Coliforms	CFU/g	10
4	CL. perfringens	CFU/g	10
5	B. cereus	CFU/g	10
6	S. Aureus	CFU/g	10
7	Salmollela	CFU/g	0
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 <sup>4</sup>

#### 5.2 Giới hạn về kim loại nặng

STT	Tên kim loại nặng	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Pb	ppm	3
2	Hàm lượng Cd	ppm	1
3	Hàm lượng Hg	ppm	0,1

### 5.3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn.

Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y giới hạn theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 và QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”..

### 6. Hướng dẫn sử dụng:

#### \* Công dụng:

- Bổ sung dưỡng chất giúp làm trắng da, trẻ hóa làn da, tái tạo làn da trắng sáng, giảm và ngăn ngừa vết thâm nám, tàn nhang, mang lại làn da căng mịn.

- Bổ sung phytoestrogen tự nhiên (isofalavon từ tinh chất mầm đậu nành), Vitamin E, giúp cân bằng, ổn định nội tiết và tăng cường sinh lý nữ, giữ gìn vóc dáng, săn chắc vòng 1 và làm chậm quá trình lão hóa của cơ thể.

- Alpha Lipoic acid (ALA) là chất chống oxy hóa có nhiệm vụ tiêu diệt các gốc tự do, giúp trẻ hóa cơ thể cũng như ngăn ngừa các tác hại do gốc tự do gây ra cho sức khỏe, bảo vệ các tế bào cơ thể tránh các tác hại của môi trường ô nhiễm.

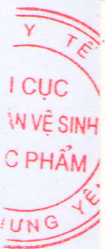
Glutathion, L-cystein, ALA giúp làm đẹp da, trắng da và Biotin giảm quá trình xơ hóa tóc, khô tóc, rụng tóc.

- Cung cấp dưỡng chất cân bằng cho cơ thể với protein sữa, vitamin, khoáng chất, ít chất béo và đường từ tự nhiên giúp tăng cường sức đề kháng, bảo vệ sức khỏe, chống lão hóa cơ thể. Hàm lượng canxi cao giúp bảo vệ hệ xương, ngăn ngừa loãng xương ở nữ giới.

#### \* Đối tượng sử dụng:

Phụ nữ da kém sắc, tàn nhang, nám má, da lão hóa, chảy xệ. Phụ nữ tóc bị khô xơ, gãy rụng. Phụ nữ muốn cải thiện vòng 1.

Phụ nữ suy giảm nội tiết, suy giảm sinh lý, nội tiết không cân bằng, rối loạn chu kỳ. Phụ nữ sau sinh giảm ham muốn. Phụ nữ giai đoạn mãn kinh và giai đoạn tiền mãn kinh.



Phụ nữ hay bị mất ngủ, đau đầu, mệt mỏi, sức đề kháng kém, sức khỏe yếu.

Sản phẩm dùng đường chiết xuất từ cây Cỏ ngọt nên dùng được cho người tiểu đường, béo phì, người ăn kiêng.

**\*Hướng dẫn sử dụng:**

- Sử dụng cốc (ly), thìa (muỗng) hợp vệ sinh để pha sản phẩm. Chỉ sử dụng thìa (muỗng) có sẵn trong hộp (lon) để lấy sản phẩm.
- Lấy 04 muỗng bột gạt ngang (khoảng 40g ) pha vào cốc (ly) 180ml nước ấm khoảng 50°C, sau đó cho vào khuấy đều đến khi bột tan hết.
- Mỗi lần uống 01 cốc (ly), dùng 2-3 cốc (ly) mỗi ngày.
- Sản phẩm sau khi pha nên dùng ngay, nếu chưa sử dụng có thể bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh nhưng không quá 4 giờ.

**\*Bảo quản:**

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Để ở nơi khô mát, KHÔNG bảo quản trong tủ lạnh. Nên sử dụng trong vòng 3 tuần sau khi mở bao bì.

*Sản phẩm sử dụng dưới sự hướng dẫn, giám sát của nhân viên y tế.*

**7. Chất liệu bao bì, quy cách đóng gói**

Chất liệu bao bì: Được đóng trong lon Nhựa, Lon Thiếc, túi màng nhôm, túi màng mpet đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

Quy cách bao gói: Lon/gói: 250 gam, 300 gam, 400 gam, 450 gam, 900 gam, 1kg.

**8. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**9. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAPHARCO**

Địa chỉ: Km 22, Quốc Lộ 5, Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến (Theo phụ lục đính kèm)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất đã xây dựng.

T.N.  
M  
O  
YÊN

★

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố về chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh.

Hung Yên, ngày 15 tháng 1 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC .  
VŨ THỊ LAN







## PHIẾU KIỂM NGHIỆM

Số: G19-T1/160

Tên mẫu : NA DE EVA  
Mã số mẫu : 160G19  
Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAPHARCO  
Địa chỉ : Km 22, QL 5, TT Bàn Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.  
Ngày nhận mẫu : 12/01/2019  
Thời gian thử nghiệm : Từ 12/01/2019 đến 18/01/2019.  
Yêu cầu kiểm tra : Theo phiếu yêu cầu kiểm nghiệm.  
Tình trạng mẫu khi nhận và mở niêm phong: Nhãn đầy đủ; rõ ràng.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1.01.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	$2,0 \cdot 10^1$	TCVN 4884 : 2005
1.02.	Tổng số bào tử nấm men - nấm mốc	cfu/g	KPH LOD = 10	TCVN 8275-2 : 2010
1.03.	E.Coli	MPN/g	KPH LOD = 3,0	TCVN 6846 : 2007
1.04.	Coliform	MPN/g	KPH LOD = 3,0	TCVN 4882 : 2007
1.05	Cl.Perfringens	cfu/g	KPH LOD = 10	TCVN 4991 : 2005
1.06	Staphylococcus aureus	MPN/g	KPH LOD = 3,0	TCVN 7927 : 2008
1.07	Salmonella	/25g	KPH	TCVN 4829 : 2005
1.08	Bacillus cereus	cfu/g	KPH LOD = 10	TCVN 4992 : 2005
1.09.	Chì (Pb)	ppm	0,14	TCVN 8126 : 2009
1.10.	Cadimi (Cd)	ppm	KPH LOD = 0,01	TCVN 8126 : 2009
1.11	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH LOD = 0,009	TCVN 7604 : 2007
1.12	Protein	g/100g	15,2	Kjeldahl method

KPH: là không phát hiện

Nam Định, ngày 18 tháng 01 năm 2019

Phòng Kiểm tra chất lượng

Giám đốc trung tâm

Bùi Hải Yến



GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

LÊ TUẤN ANH

### Ghi chú:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu gửi.
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Không được sao chép một phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của PTN.
- Chỉ tiêu được đánh dấu \* là chỉ tiêu được công nhận Vilas

5. Phòng thí nghiệm sẽ không nhận khiếu nại về kết quả thử nghiệm nếu hết thời gian lưu hoặc không có mẫu lưu